

Số: /GPMT-SNNMT

Tây Ninh, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;*

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 03/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn về thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Tây Ninh thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Shinwoo Việt Nam tại Văn bản số 0108-CVSW ngày 22 tháng 12 năm 2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Môi trường và Biến đổi khí hậu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Shinwoo Việt Nam địa chỉ tại lô số 85-86, đường 4, Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III, phường An Tịnh, tỉnh Tây Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất đồ nội thất

kim loại Shinwoo Việt Nam tại lô số 85-86, đường 4, Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III, phường An Tịnh, tỉnh Tây Ninh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất đồ nội thất kim loại Shinwoo Việt Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô số 85-86, đường 4, Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III, phường An Tịnh, tỉnh Tây Ninh.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 3900395885 do Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh cấp, đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 8 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 27 tháng 8 năm 2025.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 5400744191 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh cấp, chứng nhận lần đầu ngày 14 tháng 8 năm 2006, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 7 ngày 03 tháng 11 năm 2025.

1.4. Mã số thuế: 3900395885.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất ghế kim loại; ghế sofa khung kim loại; sản xuất các loại giường khung kim loại; đồ nội thất bằng kim loại cho văn phòng, đồ nội thất bằng kim loại khác; sản xuất các loại ghế khung kim loại cho văn phòng (không có công đoạn mạ, tráng phủ bề mặt bằng kim loại, đúc luyện trong quy trình sản xuất; có sơn tĩnh điện; không sử dụng nguyên liệu từ phế liệu tại địa điểm thực hiện dự án).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Diện tích: 20.004,69 m² (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA021611 (số vào sổ cấp GCN: CT00188) do Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp ngày 29/8/2011, thửa đất số 109, tờ bản đồ số 38, diện tích 20.004,69 m²)

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ).

- Công suất sản xuất:

- + Sản xuất các loại ghế kim loại với quy mô 4.000.000 sản phẩm/năm.
- + Sản xuất các loại ghế sofa khung kim loại da với quy mô 1.000.000 sản phẩm/năm.
- + Sản xuất các loại giường khung kim loại với quy mô 1.000.000 sản phẩm/năm
- + Sản xuất các loại đồ nội thất bằng kim loại với quy mô 2.000.000 sản phẩm/năm.
- + Sản xuất các loại đồ nội thất bằng kim loại cho văn phòng với quy mô 1.000.000 sản phẩm/năm.

+ Sản xuất các loại ghế khung kim loại cho văn phòng với quy mô 1.000.000 sản phẩm/năm.

(Không có công đoạn xi mạ, tráng phủ bề mặt bằng kim loại, đúc luyện trong quy trình sản xuất, có sơn tĩnh điện, không sử dụng nguyên liệu từ phế liệu tại địa điểm thực hiện dự án).

- Quy trình công nghệ: sáu (06) sản phẩm tại Dự án có quy trình công nghệ tương tự nhau, cụ thể như sau: nguyên liệu (ống thép) → cắt ống, tạo hình, đục lỗ → hàn → tán đinh → tẩy dầu 1 → ngâm rửa lần 1 → tẩy dầu 2 → ngâm rửa lần 2 → phủ lớp gốm bảo vệ (xử lý hóa học ceramic) → rửa phun → sấy khô nước → phun sơn tĩnh điện → sấy sau sơn tĩnh điện → lắp ráp → đóng gói.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Shinwoo Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH Shinwoo Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm

(Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày tháng năm 2036).

Điều 4. Giao Chi cục Môi trường và Biến đổi khí hậu, Phòng Pháp chế - Chính sách tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án Nhà máy sản xuất đồ nội thất kim loại Shinwoo Việt Nam được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Ban Quản lý Khu kinh tế;
- UBND phường An Tịnh;
- Công ty TNHH Shinwoo Việt Nam;
- CN Công ty TNHH Sepzone – Linh Trung (VN);
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Trang Thông tin điện tử của Sở;
- Lưu: VT, MTBĐKH.

GIÁM ĐỐC**Võ Minh Thành**

Phụ lục 1

THỰC HIỆN CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-SNNMT
ngày ... tháng ... năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án đạt Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III, không xả ra môi trường.

- Đã có thỏa thuận đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III theo các văn bản đã ký giữa Công ty và đơn vị kinh doanh hạ tầng Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III, cụ thể: hợp đồng cho thuê đất số 53-TT-06/CTL ngày 12/09/2006; hợp đồng dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải số 276.54/HĐLT.2022 ngày 01/11/2022; Văn bản số 211/CVLT.2025 ngày 12/08/2025 về việc hệ thống thoát nước trong nhà xưởng lô 85-86 khu Linh Trung III.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom, thoát nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt của công nhân viên phát sinh tại nhà văn phòng, ký túc xá, nhà bảo vệ với lưu lượng lớn nhất 6,0 m³/ngày.đêm được thu gom về bể tự hoại để xử lý sơ bộ (có 02 bể tự hoại, thể tích 10 m³/bể) sau đó theo đường ống dẫn về hố ga đầu nối nước thải số 01 với Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III.

+ Nguồn số 02: nước thải sinh hoạt của công nhân viên phát sinh tại nhà vệ sinh 01, 02 với lưu lượng lớn nhất 6,0 m³/ngày.đêm được thu gom về bể tự hoại để xử lý sơ bộ (có 02 bể tự hoại, thể tích 10 m³/bể) sau đó theo đường ống dẫn về hố ga đầu nối nước thải số 02 với Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III.

- Nước thải sản xuất:

+ Nguồn số 03: nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn ngâm rửa lần 1; ngâm rửa lần 2, rửa phun, hoạt động thay nước hấp thụ cho các hệ thống xử lý khí thải với lưu lượng lớn nhất 26 m³/ngày.đêm được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 48 m³/ngày.đêm của Dự án để xử lý theo phương án nước thải

sau xử lý đạt yêu cầu đầu nối của Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III sau đó theo đường ống dẫn về hố ga đầu nối nước thải số 02 với Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III.

- Công trình thoát nước thải sau xử lý ra nguồn tiếp nhận:

+ Lưu lượng đầu nối nước thải lớn nhất:

Dòng nước thải số 01 (nguồn số 01): 6,0 m³/ngày.đêm tương đương 0,25 m³/giờ.

Dòng nước thải số 02 (nguồn số 02, 03): 32,0 m³/ngày.đêm tương đương 1.33 m³/giờ.

+ Số điểm đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III: 02 điểm.

+ Điểm đầu nối nước thải: hố ga đầu nối nước thải (thiết kế điểm xả nước thải phải có biển báo, có sàn công tác diện tích tối thiểu là 01 m² và có lối đi để thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát nguồn thải).

Stt	Tên vị trí hố ga đầu nối	Tọa độ (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°)	
		X	Y
1	Hố ga đầu nối nước thải số 01 (nguồn số 01)		
	Hố ga ký hiệu NT-1 trên đường C	1217 225	597 320
2	Hố ga đầu nối nước thải số 02 (nguồn số 02 và số 03)		
	Hố ga ký hiệu NT-2 trên đường số 4	1217 266	597 462

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Tóm tắt quy trình công nghệ:

- Nước thải sinh hoạt (nguồn số 01) → bể tự hoại → hố ga đầu nối nước thải số 01 → hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III.

- Nước thải sinh hoạt (nguồn số 02) → bể tự hoại → hố ga đầu nối nước thải số 02 → hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III.

- Nước thải sản xuất (nguồn số 03) → hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 48 m³/ngày.đêm → hố ga đầu nối nước thải số 02 → hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III.

- Quy trình, công nghệ của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án:

Nước thải sản xuất → 03 bể tách dầu → 01 bể thu gom → 01 bể điều hòa → 01 bể điều chỉnh pH → 01 bể keo tụ → 01 bể tạo bông → 01 bể lắng hóa lý → 01 bể sinh học kỵ khí → 01 bể sinh học hiếu khí → 01 bể lắng sinh học → hố ga đầu nối nước

thải số 02 → hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III.

1.2.2. Công suất thiết kế:

- Bốn (04) bể tự hoại kết cấu bê tông cốt thép, thể tích 10 m³/bể.
- Hệ thống xử lý nước thải tập trung: công suất 48 m³/ngày.đêm.

1.2.3. Hóa chất, vật liệu sử dụng:

- Bể tự hoại: không.
- Hệ thống xử lý nước thải tập trung: poly aluminium chloride, axit aminosulfonic, polyacrylamide.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tổ chức kiểm tra định kỳ và ghi nhận tình trạng hoạt động của hệ thống vào sổ nhật ký vận hành hệ thống mỗi ngày.
- Niêm yết quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tại khu vực xử lý; vận hành hệ thống theo đúng quy trình, kỹ thuật đã xây dựng; lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành xử lý.
- Đào tạo đầy đủ các kiến thức về lý thuyết vận hành hệ thống xử lý nước thải, bảo trì và bảo dưỡng thiết bị, cách xử lý các sự cố cho nhân viên vận hành hệ thống.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, nạo vét đường ống để phát hiện và xử lý kịp thời trường hợp sự cố tắc nghẽn và rò rỉ trong hệ thống thu gom nước thải.
- Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng các trang thiết bị, hệ thống thu gom và xử lý nước thải; trang bị một số thiết bị dự phòng cho các máy móc dễ hư hỏng như máy bơm dự phòng, máy thổi khí, các phụ tùng khác.
- Định kỳ hút bùn thải tại bể tự hoại; định kỳ chuyển giao bùn thải cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.
- Đảm bảo vận hành các công trình thu gom, xử lý nước thải theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng. Đào tạo đầy đủ các kiến thức về lý thuyết vận hành hệ thống xử lý nước thải, bảo trì và bảo dưỡng thiết bị, cách xử lý các sự cố cho nhân viên vận hành hệ thống.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Sáu (06) tháng kể từ thời điểm vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Một (01) hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 48 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

+ Một (01) vị trí tại bể tách dầu.

+ Một (01) vị trí tại hố ga giám sát nước thải (đầu ra sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải) trước khi dẫn về hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Thông số: pH, BOD₅, COD, TSS, tổng nitơ, tổng photpho, tổng dầu mỡ khoáng, tổng chất hoạt động bề mặt, sắt, mangan, florua.

- Giá trị giới hạn: Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý theo quy định tại điểm c, khoản 8, Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng yêu cầu đầu nối, tiếp nhận của Chi nhánh Công ty TNHH Sepzone – Linh Trung (Việt Nam) – Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III, không xả trực tiếp ra môi trường.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo:

- Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa phải có hố ga lắng chặn trước khi xả vào hệ thống thoát nước mưa chung của Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III. Đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa và hệ thống thu gom, thoát nước thải phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn nhân lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án phải có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng đầu vào, lưu lượng đầu ra, các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng; bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

+ Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải cho Sở

Nông nghiệp và Môi trường tỉnh trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải để theo dõi, giám sát.

+ Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải 20 ngày. Báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải phải bảo đảm đầy đủ kết quả quan trắc chất thải theo kế hoạch vận hành thử nghiệm được nêu trong Giấy phép môi trường này.

3.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

Công ty TNHH Shinwoo Việt Nam chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải của Dự án vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-SNNMT ngày ... tháng ... năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: bụi, khí thải từ lò đốt cấp nhiệt số 01 công suất 600.000 kcal/giờ, sử dụng nhiên liệu viên nén biomass (cấp nhiệt cho công đoạn sấy khô nước);
- Nguồn số 02: bụi, khí thải từ lò đốt cấp nhiệt số 02 công suất 800.000 kcal/giờ, sử dụng nhiên liệu viên nén biomass (cấp nhiệt cho công đoạn sấy sau sơn tĩnh điện);
- Nguồn số 03: bụi từ buồng sơn tĩnh điện;
- Nguồn số 04: khí thải từ buồng sấy sau sơn tĩnh điện;
- Nguồn số 05: khí thải từ hoạt động vệ sinh sơn tĩnh điện bám trên các móc treo của băng chuyền tự động vận chuyển bán thành phẩm.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: tại ống thoát sau một (01) hệ thống xử lý khí thải chung của nguồn số 01 và nguồn số 02. Tọa độ vị trí xả khí thải như sau: X = 1217 127; Y = 597 417;
- Dòng khí thải số 02: tại ống thoát sau một (01) hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 03. Tọa độ vị trí xả khí thải như sau: X = 1217 187; Y = 597 465;
- Dòng khí thải số 03: tại ống thoát sau một (01) hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 04. Tọa độ vị trí xả khí thải như sau: X = 1217 137; Y = 597 451;
- Dòng khí thải số 04: tại ống thoát sau một (01) hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 05. Tọa độ vị trí xả khí thải như sau: X = 1217 109; Y = 597 359;

(theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°)

Vị trí xả bụi, khí thải trong khuôn viên Dự án tại lô số 85-86, đường 4, Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III, phường An Tịnh, tỉnh Tây Ninh.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 1.164.000 m³/ngày (24 giờ), tương đương 48.500 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 01: 16.000 m³/giờ;
- Dòng khí thải số 02: 23.500 m³/giờ;
- Dòng khí thải số 03: 6.000 m³/giờ;
- Dòng khí thải số 04: 3.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: khí thải sau khi qua hệ thống xử lý được xả ra môi trường thông qua ống thải; xả liên tục khi hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp – QCVN 19:2024/BTNMT, cột B trước khi xả thải ra môi trường, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
Dòng khí thải số 01					
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	16.000	Không thuộc đối tượng quan trắc bụi, khí thải định kỳ	Không thuộc đối tượng quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục
2	Độ khói	Giá trị Ringelmann	≤2		
3	Bụi (PM)	mg/Nm ³	≤50		
4	CO	mg/Nm ³	≤300		
5	SO ₂	mg/Nm ³	≤250		
6	NO _x	mg/Nm ³	≤300		
Dòng khí thải số 02					
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	23.500	Không thuộc đối tượng quan trắc bụi, khí thải định kỳ	Không thuộc đối tượng quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục
2	Độ khói	Giá trị Ringelmann	≤2		
3	Bụi (PM)	mg/Nm ³	≤40		
Dòng khí thải số 03					
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	6.000	Không thuộc đối tượng quan trắc bụi, khí thải định kỳ	Không thuộc đối tượng quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục
2	Độ khói	Giá trị Ringelmann	≤2		
3	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (tính theo TVOC, bao gồm các cấu tử: Benzen, Toluen, Etylbenzen, Xylen, Etyl Axetat, Butyl Axetat)	mg/Nm ³	≤80		
Dòng khí thải số 04					
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	3.000	Không thuộc đối tượng quan trắc bụi, khí thải định kỳ	Không thuộc đối tượng quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục
2	Độ khói	Giá trị Ringelmann	≤2		
3	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (tính theo TVOC, bao gồm	mg/Nm ³	≤80		

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
	các cấu tử: Benzen, Toluen, Etylbenzen, Xylen, Etyl Axetat, Butyl Axetat)				

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01, 02: tại mỗi nguồn lắp đặt đường ống thu gom bụi, khí thải riêng biệt dẫn về một (01) hệ thống xử lý khí thải chung được thiết kế theo phương án khí thải sau xử lý đạt cột B, QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp trước khi thoát ra môi trường qua một (01) ống thải.

- Nguồn số 03: lắp đặt đường ống thu gom bụi, khí thải dẫn về một (01) hệ thống xử lý khí thải được thiết kế theo phương án khí thải sau xử lý đạt cột B, QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp trước khi thoát ra môi trường qua một (01) ống thải.

- Nguồn số 04: lắp đặt đường ống thu gom khí thải dẫn về một (01) hệ thống xử lý khí thải được thiết kế theo phương án khí thải sau xử lý đạt cột B, QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp trước khi thoát ra môi trường qua một (01) ống thải.

- Nguồn số 05: lắp đặt đường ống thu gom khí thải dẫn về một (01) hệ thống xử lý khí thải được thiết kế theo phương án khí thải sau xử lý đạt cột B, QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp trước khi thoát ra môi trường qua một (01) ống thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý bụi, khí thải từ lò đốt cấp nhiệt số 01 công suất 600.000 kcal/giờ (nguồn số 01) và lò đốt cấp nhiệt số 02 công suất 800.000 kcal/giờ (nguồn số 02), sử dụng nhiên liệu viên nén biomass:

- Quy trình công nghệ:

Bụi, khí thải nguồn số 01 → cyclone thu bụi → quạt hút → [1].

Bụi, khí thải nguồn số 02 → cyclone thu bụi → quạt hút → [2].

[1] + [2] → thiết bị hấp thụ → ống thải.

- Công suất thiết kế: 16.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: dung dịch hấp thụ là dung dịch kiềm (NaOH).

1.2.2. Hệ thống xử lý bụi từ buồng sơn tĩnh điện (nguồn số 03):

- Quy trình công nghệ: bụi sơn → cyclone thu bụi → thiết bị lọc bụi túi vải → quạt hút → ống thải.

- Công suất thiết kế: 23.500 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không.

1.2.3. Hệ thống xử lý khí thải từ buồng sấy sau sơn tĩnh điện (nguồn số 04):

- Quy trình công nghệ: khí thải → thiết bị hấp phụ → quạt hút → ống thải.

- Công suất thiết kế: 6.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: vật liệu hấp phụ là than hoạt tính.

1.2.4. Hệ thống xử lý khí thải từ hoạt động vệ sinh sơn tĩnh điện bám trên các móc treo của băng chuyền tự động vận chuyển bán thành phẩm (nguồn số 05):

- Quy trình công nghệ: khí thải → thiết bị hấp phụ → quạt hút → ống thải.

- Công suất thiết kế: 3.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: vật liệu hấp phụ là than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống quan trắc bụi, khí thải công nghiệp tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2, điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các công trình xử lý khí thải để có biện pháp khắc phục kịp thời nhằm đảm bảo khí thải đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Niêm yết quy trình vận hành hệ thống xử lý khí thải tại khu vực xử lý.

- Tuân thủ quy trình vận hành và các yêu cầu kỹ thuật của các thiết bị xử lý khí thải; định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc thiết bị của các hệ thống xử lý khí thải; bố trí các thiết bị dự phòng (quạt hút, bơm tuần hoàn,...) để kịp thời thay thế khi xảy ra sự cố.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Trong trường hợp xảy ra sự cố, dừng hoạt động sản xuất, kiểm tra khắc phục các hệ thống xử lý khí thải và hoạt động sản xuất chỉ được tiếp tục khi các hệ thống xử lý khí thải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

- Đối với sự cố môi trường lớn, dừng hoạt động sản xuất, thông báo cho cơ quan

có chức năng về môi trường để có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Sáu (06) tháng kể từ thời điểm vận hành thử nghiệm các công trình xử lý khí thải.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Một (01) hệ thống xử lý bụi, khí thải từ lò đốt cấp nhiệt số 01 công suất 600.000 kcal/giờ và lò đốt cấp nhiệt số 02 công suất 800.000 kcal/giờ.

- Một (01) hệ thống xử lý bụi từ buồng sơn tĩnh điện.

- Một (01) hệ thống xử lý khí thải từ buồng sấy sau sơn tĩnh điện.

- Một (01) hệ thống xử lý khí thải từ hoạt động vệ sinh sơn tĩnh điện bám trên các móc treo của băng chuyền tự động vận chuyển bán thành phẩm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường.

+ Một (01) vị trí tại một (01) ống thải sau một (01) hệ thống xử lý khí thải từ lò đốt cấp nhiệt số 01 công suất 600.000 kcal/giờ và lò đốt cấp nhiệt số 02 công suất 800.000 kcal/giờ.

+ Một (01) vị trí tại một (01) ống thải sau một (01) hệ thống xử lý bụi từ buồng sơn tĩnh điện.

+ Một (01) vị trí tại một (01) ống thải sau một (01) hệ thống xử lý khí thải từ buồng sấy sau sơn tĩnh điện.

+ Một (01) vị trí tại một (01) ống thải sau một (01) hệ thống xử lý khí thải từ hoạt động vệ sinh sơn tĩnh điện bám trên các móc treo của băng chuyền tự động vận chuyển bán thành phẩm.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý theo quy định tại điểm c, khoản 8, Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ

lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo:

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để vận hành thường xuyên và hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý bụi, khí thải.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

+ Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải cho Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải để theo dõi, giám sát.

+ Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải 20 ngày. Báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải phải bảo đảm đầy đủ kết quả quan trắc chất thải theo kế hoạch vận hành thử nghiệm được nêu trong Giấy phép môi trường này.

3.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

Công ty TNHH Shinwoo Việt Nam chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào trong khí thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này trước khi xả ra môi trường và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-SNNMT
ngày ... tháng ... năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: phát sinh từ hoạt động của các máy đột lỗ;
- Nguồn số 02: phát sinh từ hoạt động của các máy uốn cong;
- Nguồn số 03: phát sinh từ hoạt động của các máy cắt ống;
- Nguồn số 04: phát sinh từ hoạt động của các máy đóng đinh;
- Nguồn số 05: phát sinh từ hoạt động của các máy hàn tự động;
- Nguồn số 06: phát sinh từ hoạt động của các máy hàn điêm;
- Nguồn số 07: phát sinh từ hoạt động của các máy nén khí;
- Nguồn số 08: phát sinh từ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 48 m³/ngày.đêm.
- Nguồn số 09: phát sinh từ hoạt động của công trình xử lý khí thải từ lò đốt cấp nhiệt số 01 công suất 600.000 kcal/giờ và lò đốt cấp nhiệt số 02 công suất 800.000 kcal/giờ.
- Nguồn số 10: phát sinh từ hoạt động của hệ thống xử lý bụi từ buồng sơn tĩnh điện.
- Nguồn số 11: phát sinh từ hoạt động của hệ thống xử lý khí thải từ buồng sấy sau sơn tĩnh điện.
- Nguồn số 12: phát sinh từ hoạt động của hệ thống xử lý khí thải từ hoạt động vệ sinh sơn tĩnh điện bám trên các móc treo của băng chuyền tự động vận chuyển bán thành phẩm.

3. Tiếng ồn, độ rung: phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 06 giờ trước 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến trước 06 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
----	---------------------------------	-------------------------------------	-------------------------------	---------

1	70	55	-	Khu vực thông thường
---	----	----	---	----------------------

2.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ		
1	75	60	-	Khu vực thông thường

Ghi chú: Kể từ ngày 01/01/2027, giá trị giới hạn đối với tiếng ồn phải đáp ứng quy định tại QCVN 26:2025/BNNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và giá trị giới hạn đối với độ rung phải đáp ứng quy định tại QCVN 27:2025/BNNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BNNMT ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Áp dụng các biện pháp quy hoạch, xây dựng chống tiếng ồn; bố trí khoảng cách, trồng cây xanh theo hướng gió thịnh hành.
- Cách ly, bao kín các nguồn ồn bằng vật liệu kết cấu hút âm, cách âm phù hợp.
- Trang bị bảo hộ lao động (nút tai chống ồn, bịt tai) cho công nhân làm việc tại các khu vực có độ ồn cao.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:

- Bọc lót các bề mặt thiết bị chịu rung dao động bằng các vật liệu hút hoặc giảm rung động có ma sát lớn như cao su, vòng phớt,...
- Sử dụng bộ giảm chấn bằng lò xo hoặc cao su để cách ly rung động.
- Sử dụng các thiết bị phòng hộ cá nhân như giày chống rung có đế bằng cao su hay găng tay đặc biệt có lớp lót dày bằng cao su tại lòng bàn tay khi làm việc với máy móc có độ rung lớn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung (như: kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn,...).

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-SNNMT
ngày ... tháng ... năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Loại chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (tấn/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	NH	0,02
2	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	NH	0,02
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	NH	0,2
TỔNG CỘNG					0,24

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (tấn/năm)
1	Gỗ (<i>pallet gỗ hỏng thải bỏ</i>)	11 02 02	Rắn	TT-R	5
2	Nhựa (<i>pallet nhựa hỏng thải bỏ</i>)	11 02 04	Rắn	TT-R	1
3	Bùn thải từ các quá trình xử lý nước thải khác với các loại trên (<i>bùn thải từ bể tạt hoại</i>)	12 06 13	Bùn	TT	2
4	Giấy và bao bì carton thải bỏ	18 01 05	Rắn	TT-R	10
5	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là chất thải nguy hại) thải	18 01 06	Rắn	TT-R	10
TỔNG CỘNG					28

1.3. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

STT	Loại chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình tẩy mỡ nhờn (<i>cặn từ hoạt động tẩy dầu mỡ và xử lý hóa học ceramic</i>)	07 01 07	Lỏng	KS	0,1
2	Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác	07 03 11	Rắn, bùn	KS	2
3	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	12 01 04	Rắn	KS	1
4	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	Bùn	KS	10
5	Bao bì mềm (dính thành phần nguy hại) thải	18 01 01	Rắn	KS	0,5
6	Bao bì kim loại cứng (dính thành phần nguy hại) thải	18 01 02	Rắn	KS	0,2
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	KS	0,15
TỔNG CỘNG					13,95

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Loại chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	36

STT	Loại chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
	Tổng cộng	36

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Kho lưu chứa được thiết kế xây dựng với cấu tạo bằng tường gạch, mái lợp tôn và nền bê tông chống thấm; trong kho chứa có bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy, có khay hứng chất thải lỏng rơi vãi, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định.

- Kho lưu chứa chất thải nguy hại được trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ (dựa theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại, kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều); được dán nhãn và mã chất thải nguy hại theo quy định.

2.1.2. Diện tích kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

Kho chứa chất thải nguy hại: 20 m².

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu chứa ngoài trời:

Kho lưu chứa được thiết kế xây dựng với cấu tạo bằng tường gạch bao quanh, nền chống thấm, có mái che kín mưa, bên trong kho có bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định.

2.2.2. Diện tích kho/khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu chứa ngoài trời:

Kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường: 20 m².

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Kho/khu vực lưu chứa:

Khu vực tập kết được thiết kế mái tôn, sàn trát xi măng.

2.3.2. Diện tích kho/khu vực lưu chứa:

Sử dụng thùng chứa có nắp đậy dung tích chứa từ 20 – 660 lít để lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý.

2.4. Yêu cầu chung đối với hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và quy định của tỉnh Tây Ninh.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường; Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố chất thải giai đoạn 2023-2030.

4. Đầu tư mua sắm trang thiết bị, vật tư và chuẩn bị lực lượng phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải tại chỗ, thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố.

5. Định kỳ tổ chức tập huấn, huấn luyện và diễn tập ứng phó sự cố chất thải và đầu tư trang thiết bị bảo đảm sẵn sàng ứng phó sự cố chất thải.

6. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-SNNMT
ngày ... tháng ... năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Thiết kế, xây dựng hệ thống thu gom nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải; nước thải được thu gom và xử lý đạt yêu cầu tiếp nhận, đầu nối của Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III sau đó đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III. Tuyệt đối không được xả nước thải xử lý chưa đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

3. Thiết kế, lắp đặt và vận hành hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của Dự án đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với khí thải công nghiệp trước khi xả thải ra ngoài môi trường. Tuyệt đối không được xả khí thải xử lý chưa đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

4. Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các nguồn phát sinh bụi, khí thải đảm bảo môi trường không khí xung quanh; đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung được và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

5. Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị, tập huấn cho cán bộ, công

nhân viên về công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng ngừa ứng phó sự cố và phòng, chống cháy nổ; đảm bảo quá trình hoạt động ổn định của các hệ thống, dây chuyền sản xuất, công trình bảo vệ môi trường; trang bị đầy đủ các thiết bị, dụng cụ bảo hộ lao động, phòng ngừa, ứng phó sự cố, đảm bảo khắc phục kịp thời khi xảy ra sự cố.

6. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy phạm kỹ thuật và các quy định pháp luật hiện hành trong quá trình xây dựng, thẩm định và phê duyệt thiết kế các hạng mục, công trình xây dựng của Dự án. Thực hiện nghiêm các chỉ tiêu xây dựng theo đúng Giấy phép xây dựng cấp cho Dự án.

7. Chủ động phối hợp với cơ quan chức năng, cộng đồng dân cư để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án. Chủ dự án phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do hoạt động của Dự án gây ô nhiễm, sự cố môi trường.

8. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện công khai thông tin môi trường của Dự án đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể: công khai phiếu kết quả quan trắc chất thải của kỳ quan trắc gần nhất trên trang thông tin điện tử của Công ty hoặc công khai trên bảng thông tin điện tử đặt tại công dự án đầu tư. Thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi có kết quả quan trắc chất thải định kỳ cho đến thời điểm công khai kết quả quan trắc định kỳ mới theo quy định.

10. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 22, Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

11. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp; phải có hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 14001 được chứng nhận theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

12. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.